

VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO NGHỀ PHỤC VỤ CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ Ở BÌNH DƯƠNG

○ NGUYỄN QUANG ĐỨC*

Chuyển dịch cơ cấu ngành nghề kinh tế, sự phát triển ngày càng nhanh của các loại hình doanh nghiệp cùng với tốc độ thay đổi công nghệ mới đang tạo thêm khoảng cách giữa đào tạo (ĐT) và sử dụng lao động, đặc biệt là lao động kĩ thuật (KT) có tay nghề. Khan hiếm lao động có tay nghề đã trở thành vấn đề quan tâm nhất của các doanh nghiệp, nhà quản lí (QL). Đã có không ít nhà đầu tư chậm triển khai dự án hay chưa đưa nhà máy vào hoạt động do không tìm ra những người thợ giỏi, những công nhân KT có tay nghề...

1. Gần đây, chỉ số năng lực cạnh tranh về đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp của Bình Dương bị giảm xuống đáng kể. Ngoài vấn đề vốn do khủng hoảng kinh tế toàn cầu thì sự thiếu hụt nguồn lao động KT trong sản xuất đã làm cho các doanh nghiệp e ngại khi quyết định đầu tư. Vì vậy, phải có giải pháp ĐT nguồn lao động KT phục vụ sản xuất công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp hỗ trợ. Trong những năm qua, các đề tài nghiên cứu về ĐT nguồn lao động KT luôn được quan tâm ở nhiều góc độ khác nhau, tuy nhiên, những đề tài này vẫn chưa đạt hiệu quả khi đi vào cuộc sống. Do vậy, *việc nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp ĐT nghề cho hai nhóm nghề cơ khí và điện - điện tử thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ nhằm phục vụ sự nghiệp CNH tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2020 là rất cần thiết.*

2. Hiện nay, chất lượng ĐT nghề và số lượng lao động KT chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động trong các khu công nghiệp. Vì vậy, việc đề xuất được giải pháp ĐT nguồn lao động KT trong dạy nghề hợp lí, mang tính khoa học, khả thi sẽ góp phần phục vụ cho sự nghiệp CNH ở Bình Dương. Trong bài viết này, tác giả chỉ nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ĐT trình độ trung cấp các nhóm nghề công

nhệ KT cơ khí và nhóm nghề công nghệ KT điện, điện tử - viễn thông (thời gian nghiên cứu từ tháng 6/2011-12/2011). Phạm vi khảo sát: các doanh nghiệp sử dụng lao động, giáo viên (GV), sinh viên, các trường trung cấp nghề và trường cao đẳng nghề trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cùng việc xử lí các số liệu, thông tin từ nhiều nguồn tài liệu tin cậy trong các năm từ 2009 đến nay.

Khảo sát các yếu tố tác động đến ĐT lao động KT của nhóm nghề công nghệ KT cơ khí và nhóm nghề công nghệ KT điện, điện tử - viễn thông; kết quả cho thấy, tỉ lệ học sinh tham gia học nghề còn rất thấp, số lượng học sơ cấp nghề là chủ yếu, chiếm đa số trên 70%.

Quan sát hoạt động nghề nghiệp của cán bộ, nhân viên, công nhân trong các công ty; hoạt động dạy và học của GV và sinh viên. Kết quả nhận thấy, các thao tác của sinh viên còn lúng túng, chưa tự tin và chắc chắn.

Điều tra thăm dò ý kiến các đối tượng là sinh viên và cựu sinh viên của nhóm nghề công nghệ KT cơ khí và nhóm nghề điện, điện tử - viễn thông; cán bộ QL sử dụng lao động, GV dạy nghề (phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích số liệu) đã thu được kết quả: Chương trình có nhiều môn học không sát thực tế, nhiều môn cần ĐT để đáp ứng thực tế nhưng chưa được đưa vào chương trình; 19% người được hỏi cho rằng năng lực của GV dạy nghề còn chưa cao, cần ĐT lại; 50% GV trả lời vật tư để thực tập được cung cấp đầy đủ, trong khi có tới 20% sinh viên cho rằng vật tư để thực tập còn thiếu...

Liên hệ với một số mô hình QL giáo dục (mô hình QL theo mục tiêu giáo dục; mô hình QL chất lượng đầu vào - quá trình - đầu ra của Hoa Kỳ; mô hình nhân cách nghề nghiệp; mô hình tổng thể của GV trong nền giáo dục hiện đại...) tương

* Số Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương

ứng với số liệu về cơ sở vật chất, năng lực GV, lượng tuyển sinh hàng năm của các trường, từ đó đề xuất giải pháp và nhóm giải pháp ĐT nghề phục vụ cho công nghiệp của tỉnh nhà. Ứng dụng phương pháp lấy ý kiến chuyên gia thông qua lắng nghe, tổng hợp các ý kiến của chuyên gia cho các giải pháp ĐT nghề với các tỉ lệ mang tính khả thi, khoa học và thực tiễn. Từ đó, thu được kết quả như sau: Hơn 70% ý kiến cho rằng, việc tư vấn, tuyển sinh, lựa chọn nghề để ĐT phục vụ công nghiệp là cần thiết (hiện tại hầu hết các trường dạy nghề đều gặp nhiều khó khăn trong tuyển sinh), 63% ý kiến cho rằng tăng cường QL nhà nước về dạy nghề là để áp dụng và tính khoa học của giải pháp này cao (xử lí công việc theo quy trình và lưu trữ ở dạng bộ quy trình, rất khoa học trong việc rà soát QL hoạt động của từng đơn vị). Mặc dù, nhóm giải pháp đảm bảo chất lượng bên ngoài có tính cấp thiết cao nhưng khả năng áp dụng rất khó khăn (chỉ 43% ý kiến đồng tình); trong khi có 50% cho rằng, việc tăng cường các năng lực ĐT để đảm bảo chất lượng là cần thiết và dễ áp dụng hơn (xem bảng 1).

Bảng 1. Kết quả tham khảo ý kiến chuyên gia cho các giải pháp ĐT nghề

TT	Tên giải pháp và nhóm giải pháp	Tính cấp thiết (30)		Tính khả dụng (30)		Tính khoa học (30)	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	Tư vấn, tuyển sinh	21	70%	19	63%	19	63%
2	QL nhà nước về dạy nghề	19	63%	19	63%	21	70%
3	Đảm bảo chất lượng ĐT bên trong	18	60%	15	50%	17	57%
4	Đảm bảo chất lượng ĐT bên ngoài	18	60%	13	43%	15	50%

Như vậy, công tác tư vấn, tuyển sinh được xem là cấp thiết nhất, song khả năng thực hiện giải pháp này không cao, điều này phản ánh đúng những khó khăn của các trường dạy nghề trong quá trình tuyển sinh (luôn phải đối đầu với những định kiến của phụ huynh, cạnh tranh không cân sức với các trường đại học trên địa bàn). Giải pháp QL nhà nước về dạy nghề được cho là cấp thiết, khả dụng và khoa học cao (công tác QL lúc nào cũng cần thiết và yếu tố QL chuyên nghiệp luôn đem lại hiệu quả cao nhất). Nhóm giải pháp đảm bảo chất lượng bên ngoài có tính khả thi thấp nhất bởi công tác phối hợp với doanh nghiệp trong điều kiện như hiện nay còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc về mặt cơ chế.

Để thực hiện các nhóm giải pháp có hiệu quả, cần phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các giải pháp trong từng nhóm, đặc biệt là nhóm giải pháp tăng cường tư vấn, tuyển sinh cho học sinh chọn nghề, nhóm giải pháp tăng cường QL nhà nước về dạy nghề, nhóm giải pháp đảm bảo chất lượng ĐT bên trong đã được các chuyên gia đánh giá và đồng thuận cao. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả, nhóm giải pháp đảm bảo chất lượng bên ngoài cũng là khâu rất quan trọng (như khâu bán hàng trong hoạt động kinh doanh). Ngoài ra, cần kết hợp các nhóm giải pháp với nhau thành hệ thống thì các giải pháp mới phát huy hết tác dụng, hiệu quả.

3. Kết quả khảo sát thực trạng ĐT lao động KT thuộc hai nhóm nghề KT cơ khí và Công nghệ KT điện, điện tử - viễn thông cho phép rút ra vấn đề: cần có những giải pháp cấp bách mà ngành dạy nghề phải thực hiện như: 1) Chi đạo, điều chỉnh các trường dạy nghề tập trung tư vấn, tuyển sinh dạy nghề cho những nghề thuộc hai nhóm nghề cơ khí và điện - điện tử; 2) Tăng cường công tác QL nhà nước, kiến toàn hệ thống chính sách, văn bản pháp quy về dạy nghề, tăng cường thông tin ĐT đến GV và học sinh; 3) Tăng cường năng lực ĐT nghề cho những nghề thuộc hai nhóm nghề cơ khí và điện - điện tử nhằm đảm bảo chất lượng ĐT bên trong. Trong đó, ưu tiên bồi dưỡng kĩ năng thực hành, nghệ thuật sư phạm cho GV (yếu tố quyết định cho chất lượng về kiến thức và thái độ nghề nghiệp); đồng thời, đặc biệt quan tâm việc đầu tư trang thiết bị dạy nghề hiện đại và tập trung (yếu tố quyết định đến kĩ năng của người học nghề); 4) Lấy chất lượng của nghề trọng điểm được đầu tư làm thương hiệu cho trường. Bên cạnh đó, cần thay đổi hình thức kiểm tra, đánh giá học tập nhằm nâng cao chất lượng; tăng cường ngoại giao, kí kết cung lao động KT cho doanh nghiệp, đảm bảo đầu ra có việc làm ổn định phù hợp với nghề đã học. □

Tài liệu tham khảo

- Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam. Luật Dạy nghề. NXB Lao động, H. 2010.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Thông tư 21/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/7/2011 Quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc các nhóm nghề Công nghệ kĩ thuật.

(Xem tiếp trang 41)